TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 150/2020/HNGĐ - ST Ngày: 28-8-2020 V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH-TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba

Bà Lê Thị Ánh Sáng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lương Thị Liên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 293/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Phi H. sinh năm 1980.

Nơi đăng ký thường trú: ấp X, xã H. huyện T. tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ B. sinh năm 1982.

Nơi đăng ký thường trú: ấp X, xã H. huyện T. tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp Y, xã H. huyện T. tỉnh Đồng Nai.

(Ông H và bà B có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai,biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Phi H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Huỳnh Thị Mỹ B tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 21/10/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Do hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không thể đoàn tụ nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông với bà B.

Về con chung: Ông và bà B có 03 con chung là Đặng Huỳnh Mỹ N, sinh ngày 09/4/2003; Đặng Huỳnh Mỹ D, sinh ngày 12/6/2007; Đặng H T, sinh ngày 20/11/2012. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mỹ D và cháu H T, đồng ý để bà B nuôi dưỡng cháu Mỹ N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Theo nội dung bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ B trình bày:* Bà và ông Đặng Phi H kết hôn với nhau năm 2002, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã Tân Hiệp, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai như ông H trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông H đã nhiều lần đánh bà và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà và ông H đã ly thân khoảng 03 năm gần đây. Do mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 03 con chung là Đặng Huỳnh Mỹ N, sinh ngày 09/4/2003; Đặng Huỳnh Mỹ D, sinh ngày 12/6/2007; Đặng H T, sinh ngày 20/11/2012. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mỹ N và cháu H T, đồng ý để ông H nuôi dưỡng cháu Mỹ D, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương

sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông H cho rằng giữa ông và bà B xảy ra mâu thuẫn và không còn tình cảm nên yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn, bà B cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng và đồng ý ly hôn với ông H, do đó Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông H và bà B.

Về con chung: Đề nghị giao con chung là Đặng Huỳnh Mỹ D, sinh ngày 12/6/2007; Đặng H T, sinh ngày 20/11/2012 cho ông H; giao con chung là Đặng Huỳnh Mỹ N, sinh ngày 09/4/2003 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông H và bà B không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận. Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Phi H và bà Huỳnh Thị Mỹ B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 21/10/2002, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông H trình bày, sau khi kết hôn, ông và bà B chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Do hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông với bà B.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà B thống nhất với lời khai của ông H về quan hệ hôn nhân, bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý ly hôn với ông H. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận, chấp nhận cho ông Đặng Phi H được ly hôn với bà Huỳnh Thị Mỹ B.

[2] Về con chung: Ông H và bà B có 03 con chung là Đặng Huỳnh Mỹ N, sinh ngày 09/4/2003; Đặng Huỳnh Mỹ D, sinh ngày 12/6/2007; Đặng H T, sinh ngày 20/11/2012. Ly hôn, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mỹ D và cháu H T, đồng ý để bà B nuôi dưỡng cháu Mỹ N; bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu cháu Mỹ N và cháu H T, đồng ý để ông H nuôi dưỡng cháu Mỹ D.

Theo các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp thể hiện ông H đang làm công việc lái xe với mức thu nhập trung B mỗi tháng từ 8.600.000đ đến 12.600.000đ, bà B làm công nhân với mức thu nhập mỗi tháng khoảng 9.000.000đ. Như vậy, về điều kiện kinh tế, ông H và bà B đều có thu nhập ổn định, đủ khả năng để nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, hiện tại cháu Mỹ N đang sống cùng bà B, nguyện vọng của cháu N muốn được ở với mẹ; Cháu Mỹ D và cháu H T đang sống cùng với ông H; theo nguyện vọng của hai cháu Mỹ D và H T muốn được ở với cha. Xét thấy, để tránh xáo trộn về cuộc sống và sinh hoạt của các cháu đồng thời phù hợp với nguyện vọng của các cháu, cần tiếp tục giao cháu Mỹ N cho bà B; giao cháu Mỹ D và cháu H T cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, ông H và bà B không có yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Đặng Phi H:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Phi H được ly hôn với bà Huỳnh Thị Mỹ B.

Về con chung: Giao con chung là Đặng Huỳnh Mỹ D, sinh ngày 12/6/2007 và Đặng H T, sinh ngày 20/11/2012 cho ông Đặng Phi H; Giao con chung là Đặng Huỳnh Mỹ N, sinh ngày 09/4/2003 cho bà Huỳnh Thị Mỹ B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời ông H và bà B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đặng Phi H và bà Huỳnh Thị Mỹ B được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Đặng phi H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm ông H đã nộp tại biên lai số 0003417 ngày 20/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Ông H đã nộp đủ án phí.

Ông H, bà B được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Ngọc